

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/LĐ - ST**

Ngày: 21.8.25

V/v “*Tranh chấp tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Kiều Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Lý**

2. Ông **Mai Văn Du**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Văn Thoảng** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3
- Đà Nẵng.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng đã xét xử công khai vụ án lao động thụ lý số 04/TB-TLVA ngày 28 tháng 04 năm 2025 và thụ lý bổ sung số: 04A/TB-TLBS ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-LĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Yến L** - Sinh năm: 1990. Địa chỉ: Đường P, thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là đường P, thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* **Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng)**. Trụ sở: Đường số H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Đường số H, phường C, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Thị H** - Sinh năm: 1995. Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là Thôn P, xã V, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ)**, nay là **Bảo hiểm xã hội cơ sở N1**; Trụ sở: 412 H, xã N, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ánh N; sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 03/7/2025). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ**; Địa chỉ: Số D X, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2025, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến L trình bày:*

Do có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà Nguyễn Thị Yến L có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) để rút bảo hiểm theo đúng quy định thì

được thông báo thời điểm từ tháng 03 năm 2011 đến tháng 07 năm 2014, bà có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (Đà Nẵng) nên Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (Đà Nẵng) có thực hiện đóng bảo hiểm lao động cho bà vào thời gian trên. Tuy nhiên, thực tế khoảng thời gian đó bà đang làm việc cho Công ty TNHH Đ nên bà được đóng bảo hiểm tại hai công ty, và bản thân bà có hai sổ bảo hiểm xã hội mang số 4811006663 và 4809003154.

Nguyên nhân sự việc là do không hiểu biết nên bà cho em là bà Nguyễn Thị H mượn giấy tờ tùy thân để làm hồ sơ xin việc. Sau đó bà Nguyễn Thị H được Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (Đà Nẵng) ký kết hợp đồng lao động với tên của bà Nguyễn Thị Yến L và tham gia bảo hiểm xã hội với tên bà từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 7 năm 2014 thì nghỉ việc. Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) đã không tiến hành gộp sổ và giải quyết chế độ cho bà Nguyễn Thị Yến L. Việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Yến L. Do đó, bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) và Nguyễn Thị Yến L (do Nguyễn Thị H ký tên Nguyễn Thị Yến L) là vô hiệu và bà không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý do tuyên hợp đồng lao động vô hiệu.

Qua quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết, bà đã xác định được các Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) và Nguyễn Thị Yến L (do Nguyễn Thị H ký tên Nguyễn Thị Yến L); do đó bà làm đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số FVD 04872/2011/HĐLĐ ngày 14/3/2011, hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ-2 ngày 14/3/2012, hợp đồng số FVD 04872/2014/HĐLĐ-3 ngày 14/3/2014 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Yến L (do Nguyễn Thị H ký tên Nguyễn Thị Yến L) và Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) là vô hiệu và bà không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý do tuyên hợp đồng lao động vô hiệu.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) có đơn trình bày:** Đối chiếu với dữ liệu lưu trữ nội bộ, Công ty xác nhận có một hồ sơ mang tên Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1990, bắt đầu làm việc tại Công ty từ ngày 14/02/2011 và đã nghỉ việc từ ngày 28/07/2014. Bà Nguyễn Thị Yến L có giao kết hợp đồng lao động với Công ty gồm các hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ ngày 14/3/2011, hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ-2 ngày 14/3/2012, hợp đồng số FVD 04872/2014/HĐLĐ-3 ngày 14/3/2014. Bà Nguyễn Thị Yến L có tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 03/2011 đến tháng 07/2014 với mã số bảo hiểm xã hội: 4811006663. Việc tuyển dụng bà L theo đúng quy định của pháp luật và quy trình tuyển dụng của Công ty. Trong thời gian bà L làm việc tại Công ty, Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà L theo quy định của pháp luật. Và khi bà L nghỉ việc, công ty đã giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định pháp luật.

Công ty đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến L, tuyên bố các Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) và Nguyễn Thị Yến L (do Nguyễn Thị H ký tên Nguyễn Thị Yến L) là vô hiệu và Công ty không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý do tuyên hợp đồng lao động vô hiệu.

*** Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Vào năm 2011 vì chưa đủ tuổi lao động phổ thông nên bà Nguyễn Thị H có lấy hồ sơ của chị là bà Nguyễn Thị Yên L cho bà Nguyễn Thị H để nộp vào Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) để làm việc. Bà Nguyễn Thị H làm việc tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 7 năm 2014 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại đây thì công ty có tham gia và đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H, bà có sổ bảo hiểm xã hội số 4811006663 cấp ngày 21/3/2011 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ. Sau khi nghỉ việc, bà H đã được hưởng chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần với số tiền 13.264.455 đồng và hưởng chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp với số tiền 1.783.800 đồng/tháng. Vì không hiểu biết pháp luật, chưa hiểu về hậu quả của sự việc nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị Yên L. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yên L để bà L có thể hưởng đúng chế độ.

**** Quá trình tham gia tổ tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N1 có đơn trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Yên L sinh ngày 23/8/1990, có số chứng minh nhân dân 205420406 tham gia BHXH từ tháng 03/2011 và được cấp sổ BHXH số 4811006663, cấp ngày 21/03/2011 có quá trình tham gia từ tháng 03/2011 đến tháng 07/2014 do BHXH thành phố Đ cấp theo quy định. BHXH cơ sở N1 kiểm tra bà Nguyễn Thị Yên L sinh ngày 23/08/1990 có số căn cước công dân số 049190009919, số chứng minh nhân dân (cũ) 205420406 (theo tra cứu thông tin dân cư) còn một mã số BHXH 4809003154.

Về các chế độ đã giải quyết hưởng quyền lợi cho bà Nguyễn Thị Yên L theo thông tin hồ sơ cụ thể như sau:

- Hồ sơ của bà Nguyễn Thị Yên L được giải quyết Hưởng chế độ trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp theo quyết định số 5249/QĐ-LĐTBXH ngày 08/09/2014, thời gian hưởng 6 tháng với số tiền 1.783.800 đồng/tháng (một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm đồng y) do BHXH tỉnh Q (nay là BHXH thành P) lập danh sách chi trả và quản lý hồ sơ. Bảo hiểm xã hội huyện Đ (nay là BHXH cơ sở N1) chỉ thực hiện chi trả theo danh sách do BHXH tỉnh Q (nay là BHXH thành P) lập và chuyển kinh phí (có danh sách kèm theo)

- Bà Nguyễn Thị Yên L làm hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp BHXH một lần theo đúng quy định gồm: đơn đề nghị hưởng trợ cấp một lần, sổ BHXH số 4811006663 cấp ngày 21/03/2011 của BHXH thành phố Đ và được cơ quan BHXH huyện Đ (cũ) giải quyết hưởng theo Quyết định số 04698/QĐ-BHXH ngày 19 tháng 08 năm 2015 với số tiền 13.264.455 đồng (Mười ba triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yên L, Bảo hiểm xã hội cơ sở N1 không có ý kiến gì và đề nghị vắng mặt trong các phiên tòa xét xử đối với vụ án.

**** Quá trình tham gia tổ tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng có đơn trình bày:***

Qua tra cứu dữ liệu quản lý và hồ sơ lưu tại cơ quan BHXH thành phố Đà Nẵng, bà Nguyễn Thị Yên L – sinh ngày 23/08/1990, có 2 sổ BHXH:

- Sổ BHXH 4811006663 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH Đ từ tháng 03/2011 đến tháng 07/2014; đã thanh toán chế độ BHXH một lần theo Quyết

định số 04698, ngày 19/08/2015 của BHXH huyện Đ (nay là BHXH cơ sở N1); đã hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 5249 ngày 15/09/2014 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q.

- Sổ BHXH 4809003154 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH Đ từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2024; chưa thanh toán chế độ BHXH một lần; đã hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 4602 ngày 16/04/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yên L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, căn cứ khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp lao động nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) có trụ sở tại quận C nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Đến thời điểm hiện nay, căn cứ vào mục 6.55 Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ trách nhiệm của Tòa án nhân dân khu vực của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yên L; bị đơn Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N1 có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yên L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Nguyễn Thị Yên L và Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) là vô hiệu, do bà Nguyễn Thị H mới là người trực tiếp lao động.

Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị Yên L, bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) đều xác nhận giữa bà Nguyễn Thị Yên L và Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) có ký hợp đồng lao động gồm hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ ngày 14/3/2011, hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ-2 ngày 14/3/2012, hợp đồng số FVD 04872/2014/HĐLĐ-3 ngày 14/3/2014.

Căn cứ vào Công văn số 01/CV-BHXH ngày 28/7/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở N1 và Công văn số 270/BHXH-QLT-PTNTG ngày 12/8/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ xác định bà Nguyễn Thị Yên L đã được cấp sổ BHXH 4811006663, có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) thời gian tham

gia từ tháng 3/2011 đến tháng 7/2014. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Yến L cũng có sổ BHXH 4809003154 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Đ, thời gian tham gia từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2024. Do đó có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Yến L và Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn từ tháng 03/2011 – 7/2014.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2011 - 7/2014, bà Nguyễn Thị H đã lấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Yến L để cho bà Nguyễn Thị H ký kết các hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng). Trong thời gian này, bà Nguyễn Thị Yến L đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH Đ. Công văn số 270/BHXH-QLT-PTNTG ngày 12/8/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ xác định bà Nguyễn Thị Yến L đã được cấp sổ BHXH 4811006663 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) từ tháng 3/2011 đến tháng 7/2014 và sổ BHXH 4809003154 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Đ, từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2024. Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 7/2014, bà Nguyễn Thị Yến L cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) và Công ty TNHH Đ. Do đó, có cơ sở xác định bà L không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng), việc bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng lao động số FVD 04872/2011/HĐLĐ ngày 14/3/2011, hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ-2 ngày 14/3/2012 với Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) nhưng với tên bà Nguyễn Thị Yến L là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007); ngày 14/3/2014 bà Nguyễn Thị H tiếp tục ký hợp đồng số FVD 04872/2014/HĐLĐ-3 với Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) cũng với tên bà Nguyễn Thị Yến L là vi phạm quy định tại Điều 15, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, các hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) và bà Nguyễn Thị Yến L (do Nguyễn Thị H ký tên Nguyễn Thị Yến L) gồm Hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ ngày 14/3/2011, hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ-2 ngày 14/3/2012, hợp đồng số FVD 04872/2014/HĐLĐ-3 ngày 14/3/2014 là không có hiệu lực.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến L, tuyên bố hợp đồng lao động số FVD 04872/2011/HĐLĐ ngày 14/3/2011, hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ-2 ngày 14/3/2012 và hợp đồng số FVD 04872/2014/HĐLĐ-3 ngày 14/3/2014 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Yến L (do Nguyễn Thị H ký tên Nguyễn Thị Yến L) và Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Yến L tự nguyện chịu án phí 300.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2, khoản 7 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019;
- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007);
- Căn cứ Điều 15; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 50; Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2012 (có hiệu lực ngày 01/5/2013);
- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến L.

- Tuyên bố các hợp đồng lao động số FVD 04872/2011/HĐLĐ ngày 14/3/2011, hợp đồng số FVD 04872/2011/HĐLĐ-2 ngày 14/3/2012, hợp đồng số FVD 04872/2014/HĐLĐ-3 ngày 14/3/2014 giữa bà Nguyễn Thị Yến L và Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Nguyễn Thị H trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị Yến L.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự trong vụ án không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Yến L tự nguyện chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Yến L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009754 ngày 28/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đà Nẵng). Bà Nguyễn Thị Yến L đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kiều Trang

